

-(으)ㄴ 성싶다

tôi e rằng, có vẻ như

Một cách nói giảm nhẹ nhàng, mang màu sắc cổ điển. Nó thuộc họ các dạng phỏng đoán cùng với 것 같다 và 듯하다, ở đầu mang tính văn chương của dài này.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Còn ở phía trước	-(으)ㄴ 성싶다	오다 → 올 성싶다
Trạng thái hiện tại	-는 성싶다	알다 → 아는 성싶다
Đã hoàn thành	-(으)ㄴ 성싶다	떠난 성싶다
Kết thúc bằng ㄴ	không thêm gì	만들다 → 만들 성싶다
Khoảng cách	성싶다 viết liền, cách ở phía trước	올 성싶다
Thường đi cùng	아무래도	아무래도 올 성싶다

Khi nào dùng

Dạng phổ biến nhất là -(으)ㄴ 성싶다 cho điều còn ở phía trước, xây dựng trên dạng rút gọn của ㄴ. Dạng hiện tại -는 성싶다 và dạng hoàn thành -(으)ㄴ 성싶다 cũng có xuất hiện. 성싶다 viết liền thành một từ, và viết cách sau định ngữ.

Độ tự tin thấp và mang tính cá nhân — một ấn tượng riêng tư hơn là một khẳng định: 아무래도 비가 올 성싶다.

Khác với 모양이다, nó không đòi hỏi bằng chứng bên ngoài, và có thể dùng cho chính mình.

Phong cách mang tính văn chương và hơi cũ. Văn viết hiện đại thường ưa dùng 듯하다 hoặc 것 같다; bạn sẽ gặp 성싶다 chủ yếu trong tiểu thuyết và tùy bút.

Ví dụ trong câu

- 1** 아무래도 비가 올 성싶다.
Tôi e rằng trời sắp mưa.
- 2** 이대로 두면 일이 커질 성싶었다.
Tôi có cảm giác để mặc như vậy chỉ khiến mọi việc tệ hơn.
- 3** 그는 이미 사정을 아는 성싶었다.
Có vẻ như anh ấy đã biết sự tình từ trước.
- 4** 기다려도 오지 않을 성싶어 자리를 떴다.
Cảm thấy dù có chờ bao lâu anh ấy cũng sẽ không đến, tôi đã rời đi.
- 5** 이 정도면 직접 만들 성싶은데요.
Tôi nghĩ có lẽ chúng ta tự làm được cái này.
- 6** 그런 말은 하지 않는 편이 나을 성싶습니다.
Tôi nghĩ có lẽ không nói ra thì tốt hơn.

So sánh với

- (으)ㄴ/는 듯하다**
Cả hai đều là cách nói giảm nhẹ trong văn viết. 듯하다 hiện đại và trung tính; 성싶다 cũ hơn và mang giọng suy tư, cá nhân hơn.
비가 올 듯하다. (có vẻ sắp mưa) / 비가 올 성싶다. (tôi e là vậy)
- (으)ㄴ/는 모양이다**
모양이다 cần bằng chứng bên ngoài và không thể miêu tả chính bạn. 성싶다 không có hạn chế nào trong hai điều đó.
비가 오는 모양이에요. (dựa vào bằng chứng) / 비가 올 성싶다. (ấn tượng của tôi)
- (으)ㄴ 법하다**
법하다 đánh giá một nhận định là hợp lý; 성싶다 kể lại điều gì đó gây ấn tượng với bạn thế nào. Một bên phán đoán, bên kia suy tư.
그럴 법해요. (điều đó rất có thể) / 그럴 성싶다. (tôi e là vậy)

Lưu ý

- ✗ 이 정도면 직접 만들을 성싶은데요.**
○ 이 정도면 직접 만들 성싶은데요.
Gốc từ kết thúc bằng ㄴ đã có sẵn ㄴ, giống như 만들 거예요 và 만들 뿐이다.
- ✗ 비가 올 성 싶다.**
○ 비가 올 성싶다.
성싶다 là một từ duy nhất. Khoảng cách đặt trước nó, sau định ngữ.
- ✗ 야, 비 올 성싶어.**
○ 야, 비 올 것 같아.
성싶다 mang tính văn chương và hơi cũ. Trong hội thoại, 것 같다 mới là dạng tự nhiên.